

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG SONADEZI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 – 35

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Bạch Văn Hiền	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 17/04/2018)
Bà Lương Minh Hiền	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 17/04/2018)
Ông Trần Anh Dũng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 17/04/2018)
Ông Nguyễn Ngọc Danh	Thành viên
Bà Trần Võ Hoài Hương	Thành viên
Ông Trần Ngọc Hải Sơn	Thành viên
Bà Quách Ngọc Bửu	Thành viên
Ông Võ Thành Tâm	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Ngô Thị Châu Loan	Trưởng ban
Bà Nguyễn Bách Thảo	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Nữ	Thành viên (bổ nhiệm ngày 17/04/2018)
Ông Nguyễn Bích Chương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 17/04/2018)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Anh Dũng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 17/04/2018)
Ông Bạch Văn Hiền	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 17/04/2018)
Ông Nguyễn Ngọc Danh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Quách Ngọc Bửu	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai


BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong báo cáo kiểm toán kèm theo, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Trần Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 12 tháng 03 năm 2019

RSM Vietnam

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +848 3827 5026
F +848 3827 5027

www.rsm.global/vietnam

Số: 19.125/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 03 năm 2019 từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Điều chỉnh giảm đối với đơn giá xử lý rác tro:

Đến ngày 31/12/2018, Công ty chưa thực hiện điều chỉnh giảm vào kết quả kinh doanh năm 2018 đối với doanh thu xử lý rác tro từ năm 2016 đến tháng 01/2018 với tổng giá trị là 11,19 tỷ đồng theo đơn giá đã được phê duyệt tại Công văn số 3309/STC-GCS ngày 08/06/2018 của Sở Tài Chính Tỉnh Đồng Nai và Văn bản số 7170/UBND-KT ngày 11/07/2018 ban hành bởi Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai. Về việc này, Công ty đã gửi văn bản trình lên Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai để kiến nghị xem xét lại đơn giá xử lý rác tro của các năm này nên chưa thống nhất quyết toán phần xử lý rác tro.

Như vậy, nếu thực hiện quyết toán xử lý rác tro theo văn bản của UBND Tỉnh Đồng Nai thì các Chỉ tiêu trên báo cáo tài chính trong năm 2018 sẽ thay đổi như sau:

- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018:
 - Chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn của khách hàng" sẽ giảm đi với số tiền là 12,31 tỷ đồng;
 - Chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" sẽ giảm đi với số tiền là 10,07 tỷ đồng.
- Báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018:
 - Chỉ tiêu "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" sẽ giảm đi với số tiền là 0,29 tỷ đồng;
 - Chỉ tiêu "Chi phí khác" sẽ tăng lên với số tiền là 10,9 tỷ đồng;
 - Chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" sẽ giảm đi với số tiền là 11,19 tỷ đồng.

2. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được các thư xác nhận nợ đối với các khoản nợ phải thu tại ngày 31/12/2018 với số tiền là 23,96 tỷ đồng. Đồng thời, chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để có thể cho ý kiến về công nợ phải thu vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 như đã nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2019



Nguyễn Vĩnh Thụy
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
3590-2016-026-1

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		276.806.462.769	266.968.353.210
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	67.290.387.210	48.276.044.780
1. Tiền	111		14.486.252.712	16.239.915.419
2. Các khoản tương đương tiền	112		52.804.134.498	32.036.129.361
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.409.195.732	9.300.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	15.409.195.732	9.300.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		186.996.226.455	202.648.851.494
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	181.662.403.078	198.520.987.279
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.067.685.540	1.878.197.590
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	4.472.913.382	2.421.577.865
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(206.775.545)	(171.911.240)
IV. Hàng tồn kho	140		6.752.301.734	6.072.849.780
1. Hàng tồn kho	141	4.5	6.752.301.734	6.072.849.780
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		358.351.638	670.607.156
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		358.351.638	670.607.156
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		212.998.859.724	207.592.455.786
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		170.583.500	285.324.750
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	170.583.500	285.324.750
II. Tài sản cố định	220		101.102.141.110	101.760.165.440
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	100.793.734.166	101.760.165.440
Nguyên giá	222		273.966.517.675	252.220.605.545
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(173.172.783.509)	(150.460.440.105)
2. Tài sản cố định vô hình	227		308.406.944	-
Nguyên giá	228		308.750.000	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(343.056)	-
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		102.826.218.658	91.782.267.093
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.6	102.826.218.658	91.782.267.093
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		7.500.000.000	7.500.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.2	7.500.000.000	7.500.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.399.916.456	6.264.698.503
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		886.898.705	5.972.520.662
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		513.017.751	292.177.841
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		489.805.322.493	474.560.808.996

(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		144.411.780.355	133.303.382.036
I. Nợ ngắn hạn	310		144.411.780.355	133.303.382.036
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.8	26.283.477.427	16.673.587.142
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.903.112.840	278.539.026
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.9	2.934.356.321	5.682.326.459
4. Phải trả người lao động	314	4.10	18.098.889.326	25.880.490.372
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.11	8.172.206.583	4.200.102.909
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.12	65.052.867.227	61.104.122.031
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		63.160.392	31.992.980
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.13	20.903.710.239	19.452.221.117
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		345.393.542.138	341.257.426.960
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.14.1	345.393.542.138	341.257.426.960
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	4.14.2	300.000.000.000	300.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.885.360.484	4.210.024.535
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		35.341.348.192	33.880.568.963
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		6.757.354.875	7.127.209.476
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		28.583.993.317	26.753.359.487
4. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		3.166.833.462	3.166.833.462
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		489.805.322.493	474.560.808.996



Phê duyệt

Trần Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 12 tháng 03 năm 2019

Người lập

Trần Võ Hoài Hương
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	353.498.308.408	338.579.816.073
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		353.498.308.408	338.579.816.073
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	294.015.328.238	281.038.992.731
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		59.482.980.170	57.540.823.342
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	3.869.499.666	3.762.463.163
6. Chi phí tài chính	22		55.061.483	-
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		55.061.483	-
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	28.985.606.440	28.615.433.033
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		34.311.811.913	32.687.853.472
9. Thu nhập khác	31		1.385.449.056	1.079.546.726
10. Chi phí khác	32		395.472.229	492.575.877
11. Lợi nhuận khác	40		989.976.827	586.970.849
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.301.788.740	33.274.824.321
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.6	6.938.635.333	6.689.272.998
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(220.839.910)	(167.808.164)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		28.583.993.317	26.753.359.487
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.14.4	830	777
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.14.4	830	777



Trần Anh Dũng
Tổng Giám đốc
 Đồng Nai, ngày 12 tháng 03 năm 2019

Người lập

Trần Võ Hoài Hương
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		35.301.788.740	33.274.824.321
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.5	23.254.410.693	21.438.191.383
Các khoản dự phòng	03		66.031.717	47.251.480
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.910.757.810)	(3.949.379.461)
Chi phí lãi vay	06		55.061.483	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		54.766.534.823	50.810.887.723
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		17.340.355.956	(8.812.163.080)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(679.451.954)	1.424.245.622
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		4.221.910.004	(205.967.273)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		5.397.877.475	7.654.455.424
Tiền lãi vay đã trả	14		(55.061.483)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.9	(7.193.899.588)	(4.247.939.716)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		45.680.000	50.350.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.539.150.884)	(2.095.872.567)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		72.304.794.349	44.577.996.133
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(28.530.174.608)	(37.664.622.441)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		87.272.727	199.900.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(5.100.000.000)	(9.300.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.252.449.962	1.399.858.830
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(32.290.451.919)	(45.364.863.611)

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36	4.14.5	(21.000.000.000)	(24.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(21.000.000.000)	(24.000.000.000)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		19.014.342.430	(24.786.867.478)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		48.276.044.780	73.062.912.258
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	67.290.387.210	48.276.044.780



Trần Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 12 tháng 03 năm 2019

Người lập

Trần Võ Hoài Hương
Kế toán trưởng



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn MTV Dịch vụ Môi Trường Đô Thị Đồng Nai, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 16 tháng 08 năm 2015, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600274914 ngày 07 tháng 08 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 08 tháng 05 năm 2018.

Công ty chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 11 năm 2015 theo văn bản số 8835/UBND-KT ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai.

Ngày 18 tháng 01 năm 2016, Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng theo văn bản số 304/UBCK-GSĐC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Ngày 22 tháng 11 năm 2016, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 760/QĐ-SGDHN ngày 22 tháng 11 năm 2016 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 300 tỷ VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng BMT	Việt Nam	192.128.460.000	64,04	192.128.460.000	64,04
BMT	Việt Nam	39.000.000.000	13,00	39.000.000.000	13,00
Khác	Việt Nam	68.871.540.000	22,96	68.871.540.000	22,96
Cộng		300.000.000.000	100,00	300.000.000.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 699 (31/12/2017: 726).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ đô thị môi trường.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Quét dọn đường phố, vỉa hè. Dịch vụ lau dọn vệ sinh;
- Thu gom rác thải sinh hoạt. Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn (rác thải sinh hoạt, công nghiệp, y tế). Xử lý nước thải;
- Kinh doanh và tái chế phế liệu, sản xuất phân hữu cơ;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.3. Ngành nghề kinh doanh (Tiếp theo)

- Duy tu, sửa chữa các hệ thống công trình thoát nước, vỉa hè, cầu đường; Quản lý, chăm sóc công viên công cộng, hoa viên, cây xanh đường phố. Mua bán, trồng và cắt tỉa tạo hình cây xanh, hoa kiểng các loại. Thi công xây dựng, duy tu bảo dưỡng công trình công viên cây xanh.
- Quản lý, vận hành và duy tu sửa chữa hệ thống chiếu sáng công cộng, hệ thống đèn tín hiệu giao thông;
- Dịch vụ mai táng, hỏa táng, xây mộ. Đầu tư xây dựng, quản lý và khai thác nghĩa trang.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.6. Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Năm 2018

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 49 năm
▪ Máy móc thiết bị	4 – 19 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10 năm
▪ Khác	4 – 8 năm

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa, giá vốn công cụ, dụng cụ. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 02 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 03 năm.

3.9. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.10. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.11. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

3.12. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

3.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.15. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành như sau:

- Thuế suất 10% đối với hoạt động được hưởng ưu đãi;
- Thuế suất 20% đối với hoạt động không ưu đãi.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.16. Thuế (Tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Theo Giấy phép đầu tư số 47121000435 do UBND Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 11 tháng 11 năm 2014, Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 10% đối với hoạt động thu gom và xử lý chất thải, nước thải tại Xã Vĩnh Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai cho dự án khu xử lý chất thải sinh hoạt và công nghiệp.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ hệ thống chiếu sáng, công viên, quản lý chợ đêm, mai táng, hỏa táng: không chịu thuế;
- Hút hầm vệ sinh, rác thải, rác thải y tế: 0%;
- Các dịch vụ khác: 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.19. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.20. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền mặt	364.100.016	1.358.102.843
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.122.152.696	14.881.812.576
Các khoản tương đương tiền	52.804.134.498	32.036.129.361
Cộng	67.290.387.210	48.276.044.780

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng TMCP Công Thương – Chi nhánh Đồng Nai và ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh với kỳ hạn dưới 3 tháng và lãi suất 5,5%/năm.

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại TMCP Công Thương – chi nhánh Đồng Nai với lãi suất 6,5%/năm.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi (mã chứng khoán SDV), số lượng 500.000 cổ phiếu. Tại ngày báo cáo, giá trị hợp lý của khoản đầu tư này là 7.500.000.000 VND.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 7	29.114.920	68.142.520
Phòng Quản lý Đô thị Thành phố Biên Hòa	149.978.076.795	159.318.145.814
Các khách hàng khác	31.655.211.363	39.134.698.945
Cộng	181.662.403.078	198.520.987.279

4.4. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu người lao động	510.000.000	-	185.000.000	
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu	1.294.507.134	-	366.104.678	
Phải thu khác	2.668.406.248	-	1.870.473.187	
Cộng	4.472.913.382	-	2.421.577.865	-
Dài hạn:				
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu	170.583.500	-	285.324.750	-
Cộng	170.583.500	-	285.324.750	-

4.5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.352.625.357	-	2.062.483.360	-
Công cụ, dụng cụ	814.050.755	-	1.054.352.073	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:	4.011.403.968	-	2.381.377.521	-
<i>Các công trình giao thông</i>	2.485.980.062	-	2.168.634.160	-
<i>Dịch vụ xúc vận chuyển</i>	1.525.423.906	-	-	-
<i>Công trình trồng cây xanh</i>	-	-	212.743.361	-
Hàng hóa	574.221.654	-	574.636.826	-
Cộng	6.752.301.734	-	6.072.849.780	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công trình khu xử lý chất thải Huyện Vĩnh Cửu	102.665.392.034	91.614.679.378
Công trình bãi xử rác Trảng Dài	138.868.533	138.868.533
Khác	21.958.091	28.719.182
Cộng	<u>102.826.218.658</u>	<u>91.782.267.093</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Tàng, giám tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2018	118.229.542.902	37.809.496.434	89.361.877.844	287.605.900	6.532.082.465	252.220.605.545
Mua trong năm	-	59.892.665	8.125.456.273	-	-	8.185.348.938
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	(500.000.000)	-	14.148.302.008	14.148.302.008
Thanh lý, nhượng bán	(87.738.816)	-	-	-	-	(587.738.816)
Tại ngày 31/12/2018	118.141.804.086	37.869.389.099	96.987.334.117	287.605.900	20.680.384.473	273.966.517.675
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2018	83.322.519.284	19.821.739.159	45.558.526.142	247.520.664	1.510.134.856	150.460.440.105
Khấu hao trong năm	6.781.177.034	2.813.813.034	10.939.984.105	12.827.268	2.706.266.196	23.254.067.637
Thanh lý, nhượng bán	(87.738.816)	-	(453.985.417)	-	-	(541.724.233)
Tại ngày 31/12/2018	90.015.957.502	22.635.552.193	56.044.524.830	260.347.932	4.216.401.052	173.172.783.509
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2018	34.907.023.618	17.987.757.275	43.803.351.702	40.085.236	5.021.947.609	101.760.165.440
Tại ngày 31/12/2018	28.125.846.584	15.233.836.906	40.942.809.287	27.257.968	16.463.983.421	100.793.734.166

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 83.880.144.847 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 7	-	-	3.245.000	3.245.000
Phải trả cho người bán				
Công ty Cổ phần Vận tải Thương mại Xây dựng Công nghiệp Đức Long	5.560.000.000	5.560.000.000	306.389.000	306.389.000
Trạm Xăng dầu Bến de Biên Hòa	5.648.626.395	5.648.626.395	1.631.705.820	1.631.705.820
Công ty TNHH Khoa học Công nghệ Môi trường Quốc Việt	1.684.076.790	1.684.076.790	3.917.713.800	3.917.713.800
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Duy Phương	1.440.000.000	1.440.000.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	11.950.774.242	11.950.774.242	10.814.533.522	10.814.533.522
Cộng	26.283.477.427	26.283.477.427	16.673.587.142	16.673.587.142

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2018		Trong năm		Tại ngày 31/12/2018	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/Khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	3.090.971.181	30.226.005.542	32.065.853.311	-	1.251.123.412
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.873.845.722	6.938.635.333	7.193.899.588	-	1.618.581.467
Thuế thu nhập cá nhân	-	717.509.556	1.494.850.556	2.147.708.670	-	64.651.442
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	678.904.097	678.904.097	-	-
Các loại thuế khác	-	-	49.825.012	49.825.012	-	-
Cộng	-	5.682.326.459	39.388.220.540	42.136.190.678	-	2.934.356.321

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Phải trả người lao động**

Là quỹ lương năm 2018 còn phải trả cho người lao động.

4.11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Trích trước chi phí xây dựng công trình xử lý chất thải – phần đáy hồ và nắp hồ rác HSH4	4.242.539.674	-
Trích trước chi phí xây dựng công trình xử lý chất thải - phần nắp hồ rác SH5	3.213.593.636	3.213.593.636
Trích trước chi phí xây dựng công trình bể xử lý nước thải	671.073.273	930.713.273
Khác	45.000.000	55.796.000
Cộng	8.172.206.583	4.200.102.909

4.12. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Chi phí xử lý rác sinh hoạt hộ dân phải trả cho Phòng Tài chính kế hoạch Biên Hòa	11.317.923.507	7.547.189.737
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	384.885.720	364.484.198
Kinh phí công đoàn	95.383.000	296.785.780
Phải trả Công ty Cổ phần Môi trường Đồng Xanh	3.298.605.030	3.298.605.030
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.172.652.707	1.813.640.023
Các khoản phải bàn giao ngân sách nhà nước	47.783.417.263	47.783.417.263
<i>Chi phí giải phóng mặt bằng Huyện Vĩnh Cửu phải trả Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai</i>	47.382.461.015	47.382.461.015
<i>Chi phí quy phí quy hoạch cho diện tích 21,7 ha dự án khu xử lý chất thải Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai</i>	400.956.248	400.956.248
Cộng	65.052.867.227	61.104.122.031

4.13. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Quỹ khen thưởng	9.392.758.937	9.134.281.678
Quỹ phúc lợi	10.862.934.497	9.414.695.720
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty	-	502.241.266
Quỹ công tác xã hội cộng đồng	100.922.048	401.002.453
Quỹ thưởng cá nhân và cơ quan hữu quan	547.094.757	-
Cộng	20.903.710.239	19.452.221.117

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.14. Vốn chủ sở hữu****4.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2017	300.000.000.000	3.166.833.462	-	44.231.559.520	347.398.392.982
Lãi trong năm trước	-	-	-	26.753.359.487	26.753.359.487
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	4.210.024.535	(4.210.024.535)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(5.473.031.895)	(5.473.031.895)
Chia cổ tức	-	-	-	(24.000.000.000)	(24.000.000.000)
Giảm khác (*)	-	-	-	(3.421.293.614)	(3.421.293.614)
Tại ngày 01/01/2018	300.000.000.000	3.166.833.462	4.210.024.535	33.880.568.963	341.257.426.960
Lãi trong năm nay	-	-	-	28.583.993.317	28.583.993.317
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	2.675.335.949	(2.675.335.949)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(3.447.878.139)	(3.447.878.139)
Chia cổ tức	-	-	-	(21.000.000.000)	(21.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2018	300.000.000.000	3.166.833.462	6.885.360.484	35.341.348.192	345.393.542.138

(*) Là khoản nợ về quỹ hỗ trợ sắp xếp việc làm phần lợi nhuận sau thuế cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015 do điều chỉnh theo Thông báo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà Nước số 302/TB-KTNN KV XIII ngày 22/09/2017.

Số dư nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản, Quý đầu tư phát triển và Lợi nhuận chưa phân phối sẽ được xử lý theo quy định hiện hành về xử lý tài chính khi cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước sau khi có biên bản làm việc cuối cùng về số liệu cổ phần hóa giữa Sở tài chính và Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Vốn góp của Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	192.128.460.000	192.128.460.000
Vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng BMT	39.000.000.000	39.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	68.871.540.000	68.871.540.000
Cộng	300.000.000.000	300.000.000.000

4.14.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	30.000.000	30.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.14.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	28.583.993.317	26.753.359.487
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(3.675.901.541)	(3.447.878.139)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	24.908.091.776	23.305.481.348
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	830	777

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế năm 2018 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 17 tháng 04 năm 2018.

4.14.5. Cổ tức

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Cổ tức đã trả trên tổng số của cổ phiếu phổ thông	21.000.000.000	24.000.000.000

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ với các bên liên quan – Xem thêm mục 7	567.017.580	427.552.500
Doanh thu bán hàng	2.167.106.530	1.824.391.452
Doanh thu cung cấp dịch vụ	350.764.184.298	336.327.872.121
Cộng	353.498.308.408	338.579.816.073

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.355.483.785	822.442.131
Giá vốn của thành phẩm đã bán	292.659.844.453	280.216.550.600
Cộng	294.015.328.238	281.038.992.731

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.119.499.666	3.012.463.163
Cổ tức, lợi nhuận được chia	750.000.000	750.000.000
Cộng	3.869.499.666	3.762.463.163

5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.600.181.666	10.501.151.865
Chi phí vật liệu quản lý	632.431.675	731.745.048
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.214.629.309	927.823.783
Chi phí lợi thế thương mại phân bổ	5.102.687.684	6.123.225.204
Chi phí khấu hao tài sản cố định	637.702.940	830.301.029
Thuế, phí và lệ phí	707.904.097	717.665.874
Chi phí dự phòng	34.864.305	15.258.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	915.927.330	893.215.987
Chi phí bằng tiền khác	8.139.277.434	7.875.045.743
Cộng	28.985.606.440	28.615.433.033

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	156.037.411.326	140.449.900.921
Chi phí nhân công	105.976.654.813	107.163.554.229
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.254.410.693	21.438.191.383
Chi phí dự phòng	34.864.305	15.258.500
Chi phí lợi thế thương mại phân bổ	5.102.687.684	6.123.225.204
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.788.680.813	14.250.019.114
Chi phí khác bằng tiền	23.436.251.491	18.727.343.258
Cộng	<u>324.630.961.125</u>	<u>308.167.492.609</u>

5.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	35.301.788.740	33.274.824.321
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	2.831.880.678	2.661.786.411
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(750.000.000)	(750.000.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	<u>37.383.669.418</u>	<u>35.186.610.732</u>
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh cho mức thuế suất 20%	6.400.536.782	6.341.223.849
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh cho mức thuế suất 10%	538.098.551	348.049.149
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	<u>6.938.635.333</u>	<u>6.689.272.998</u>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như: chi phí không hóa đơn chứng từ, các khoản trích trước chưa có hóa đơn và cổ tức được nhận.

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Xúc vận chuyển rác;
- Thu gom rác phố;
- Xử lý rác;
- Công viên công cộng, dây phân cách;
- Hoạt động khác.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)**

	Xúc vận chuyển rác		Thu gom rác phố		Xử lý rác		Công viên công cộng, dầy phân cách		Hoạt động khác		Đơn vị tính: Ngân đồng	
	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu												
Từ khách hàng bên ngoài	150.824.631	140.278.338	46.181.498	43.865.155	63.151.567	52.177.635	21.892.230	26.676.383	71.448.382	75.582.305	353.498.308	338.579.816
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	150.824.631	140.278.338	46.181.498	43.865.155	63.151.567	52.177.635	21.892.230	26.676.383	71.448.382	75.582.305	353.498.308	338.579.816
Kết quả hoạt động kinh doanh												
Kết quả của bộ phận CP không phân bổ	40.790.918	35.071.327	3.849.998	3.488.032	(2.270.529)	46.577	2.496.193	5.529.244	14.616.400	13.405.643	59.482.980	57.540.823
Thu nhập tài chính											28.985.606	28.615.433
Lợi nhuận trước thuế											3.869.500	3.762.463
Thuế thu nhập doanh nghiệp											35.301.789	33.274.824
Lợi nhuận sau thuế											6.938.635	6.689.273
											28.583.993	26.753.359

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)****Các thông tin khác**

	Xúc vận chuyển rác		Thu gom rác phố		Xử lý rác		Công viên công cộng, dây phân cách		Hoạt động khác		Đơn vị tính: Ngân đồng	
	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
Tài sản của bộ phận	40.170.098	42.342.462	-	-	8.723.632	13.075.119	-	11.767	52.208.411	46.330.818	101.102.141	101.760.165
Tài sản không phân bổ											388.703.181	372.800.644
Tổng tài sản											489.805.322	474.560.809

Nợ phải trả không phân bổ

	Xúc vận chuyển rác		Thu gom rác phố		Xử lý rác		Công viên công cộng, dây phân cách		Hoạt động khác		Đơn vị tính: Ngân đồng	
	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
Nợ phải trả không phân bổ											144.411.780	133.303.382
Tổng nợ phải trả											144.411.780	133.303.382

**Chi phí mua sắm tài sản trong kỳ
Chi phí khấu hao trong kỳ**

	Xúc vận chuyển rác		Thu gom rác phố		Xử lý rác		Công viên công cộng, dây phân cách		Hoạt động khác		Đơn vị tính: Ngân đồng	
	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí mua sắm tài sản trong kỳ	10.321.139	10.023.520	-	-	4.350.741	4.374.857	11.767	11.767	8.570.764	7.028.048	28.530.175	37.664.622
Chi phí khấu hao trong kỳ											23.254.411	21.438.191

Bộ phận theo khu vực địa lý: Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Tỉnh Đồng Nai, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh, vì vậy, Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

1. Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	Công ty mẹ
2. Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	Công ty cùng tập đoàn
3. Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	Công ty cùng tập đoàn
4. Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Công ty cùng tập đoàn
5. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vật liệu Đồng Nai	Công ty cùng tập đoàn
6. Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	Công ty cùng tập đoàn
7. Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	Công ty cùng tập đoàn
8. Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	Công ty cùng tập đoàn
9. Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Công ty cùng tập đoàn
10. Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	Công ty cùng tập đoàn
11. Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	Công ty cùng tập đoàn
12. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Công ty cùng tập đoàn
13. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	Công ty cùng tập đoàn
14. Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng Công nghiệp Số 1	Công ty cùng tập đoàn
15. Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản Trị Sonadezi	Công ty cùng tập đoàn
16. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	-	48.102.600
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	12.100.000	7.678.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	10.898.920	10.898.920
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	4.180.000	-
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	1.122.000	638.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	814.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vật liệu Đồng Nai	-	825.000
Cộng – Xem thêm mục 4.3	29.114.920	68.142.520
	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND

Phải trả người bán - Xem thêm mục 4.8:

Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	-	(3.245.000)
----------------------------------	---	-------------

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG SONADEZI

Địa chỉ: Số 12, Đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Người mua trả tiền trước:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	(143.927.420)	-
Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Bán hàng:		
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	269.303.489	111.780.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	-	3.360.000
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	68.260.000	92.880.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	3.000.000	3.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	-	19.800.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	44.430.000	31.920.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	44.595.000	43.080.000
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	9.815.000	7.757.500
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	2.860.000	2.420.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	11.100.000	6.105.000
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	64.380.000	68.080.000
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	44.215.000	37.370.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng Công nghiệp Số 1	5.059.091	-
Cộng – Xem thêm mục 5.1	567.017.580	427.552.500
	Năm 2018	Năm 2017 VND
Mua dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	641.591.000	519.247.940
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	656.509.148	609.954.600
Cộng	1.298.100.148	1.129.202.540

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thù lao và thu nhập	2.556.830.769	2.155.015.385

8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	413.409.231	426.240.000

9. CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Công trình xây dựng khu xử lý chất thải tại Xã Vĩnh Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai	26.607.458.761	35.165.041.492

10. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Năm 2017 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2017 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	777	803
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	777	803

Việc báo cáo lại thông tin so sánh nêu trên là do Công ty đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 (báo cáo tài chính năm 2017 được ghi nhận theo số tạm tính).

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

12. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Tại ngày 31/12/2018, Công ty chưa xây dựng đề án chi phí sau đóng bãi của công trình xây dựng khu xử lý chất thải tại Xã Vĩnh Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai. Do đó, Công ty chưa có đầy đủ căn cứ để ghi nhận vào kết quả kinh doanh phần chi phí sau đóng bãi tương ứng với giá trị doanh thu xử lý rác đã ghi nhận.

Ngoài ra, đối với dịch vụ công ích xúc vận chuyển mà Công ty đã thực hiện cho địa bàn Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai như sau:

- Công ty chưa nhận được văn bản duyệt giá chính thức từ Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, Công ty đã được nghiệm thu khối lượng thực hiện cho cả năm 2018 với Phòng Tài Nguyên Môi trường Huyện.
- Đồng thời, theo Công văn số 10038/UBND-KT của UBND Tỉnh Đồng Nai ngày 24/09/2018 về chủ trương tạm ứng chi phí xúc vận chuyển và xử lý rác thải từ đầu năm 2018 đến thời điểm các địa phương cấp huyện lựa chọn được nhà thầu, theo đó UBND Tỉnh Đồng Nai cho phép mức tạm ứng tối đa là 70% giá trần đã được Ủy Ban Nhân dân Tỉnh phê duyệt. Do đó, Công ty hiện mới ghi nhận doanh thu từ dịch vụ công ích xúc vận chuyển trên địa bàn Huyện Vĩnh Cửu tương ứng với 70% giá đã được đấu thầu năm 2017. Giá trị doanh thu và giá vốn ước tính Công ty chưa ghi nhận đầy đủ vào báo cáo kết quả kinh doanh cho công việc đã hoàn thành lần lượt là 1,78 tỷ VND và 1,53 tỷ VND.



Trần Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 12 tháng 03 năm 2019

Người lập

Trần Võ Hoài Hương
Kế toán trưởng